

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TRONG KIỂM TOÁN

1. Đặc điểm kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp

Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một sự kết hợp chặt chẽ giữa kiểm toán thông tin, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hiệu quả và kiểm toán hiệu năng trong cùng một cuộc kiểm toán.

Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, quá trình kiểm toán tập trung chủ yếu vào việc xác định tính trung thực, hợp lý của các thông tin về giá trị của tài sản, vốn, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả. Bên cạnh đó, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp còn đánh giá về tính hiệu quả, hiệu năng và hiệu lực của quá trình xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cho các đối tượng quan tâm. Hơn nữa, với những đặc điểm riêng của hoạt động thẩm định giá nói chung và của xác định giá trị doanh nghiệp nói riêng thì quá trình thực hiện được quy định một cách chặt chẽ về trình tự thực hiện, về phương pháp định giá, về căn cứ thực hiện, về biểu mẫu báo cáo... trong các văn bản pháp luật. Ngoài ra, hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp còn có sự quy định cụ thể về các tiêu chuẩn thẩm định giá, các tiêu chuẩn đánh giá cụ thể đã được xác định trước khi tiến hành. Do đó, việc xem xét tính tuân thủ đối với các chính sách, các văn bản pháp luật có liên quan là một vấn đề quan trọng cần phải tiến hành trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Vì vậy, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là một sự kết hợp chặt chẽ giữa các loại kiểm toán trên là một tất yếu;

Thứ hai, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có đặc điểm nổi bật là kiểm toán tuân thủ.

Trong hoạt động thẩm định giá nói chung, hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp nói riêng có những đặc điểm khác biệt với các lĩnh vực khác như để tiến hành hoạt động xác định giá trị phải tiến hành theo các bước công việc đã được quy định chặt chẽ từ khâu khảo sát ban đầu đến việc lập và trình bày báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp. Quá trình tiến hành định giá luôn phải tuân thủ theo các tiêu chuẩn thẩm định giá đã được Bộ Tài chính ban hành để đảm bảo chất lượng của hoạt động. Chính vì vậy, KTV khi thực hiện cần phải nắm bắt được các quy định của lĩnh vực này để làm căn cứ đánh giá hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp.

Thứ ba, nội dung kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có những điểm khác với nội dung kiểm toán tài chính.

Nội dung của kiểm toán BCTC tập trung chủ yếu vào các yếu tố cấu thành BCTC là các khoản mục hoặc các chu trình tài chính trong doanh nghiệp. Trong khi đó, nội dung kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp lại tập trung vào việc xác định tính trung thực hợp lý của thông tin về giá trị doanh nghiệp được xác định phù hợp với Pháp lệnh về giá. Đồng thời, kiểm toán tiến hành xem xét, đánh giá việc tuân thủ các tiêu chuẩn về thẩm định giá đã được ban hành trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp;

Thứ tư, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có một đặc trưng riêng là không có khái niệm “cuộc kiểm toán năm sau” và “hoạt động liên tục”.

Hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp có đặc điểm nổi bật là chỉ tiến hành một lần đối với một doanh nghiệp và gắn với từng thời điểm hoạt động của doanh nghiệp. Chính vì vậy, chu kỳ thực hiện không lặp lại như đối với hoạt động SXKD và kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng chỉ diễn ra trong một năm tài chính duy nhất. Điều này đặt ra vấn đề là KTV luôn phải nắm bắt sự thay đổi trong hệ thống văn bản pháp lý và các vấn đề mới trong hoạt động thẩm định giá để có khả năng giải quyết các công việc cho phù hợp. Ngoài ra, trong quá trình kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng không đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp vì nếu không tiến hành sáp nhập, mua bán hoặc cổ phần hóa thì doanh nghiệp vẫn hoạt động theo loại hình doanh nghiệp cũ. Còn nếu doanh nghiệp có tiến hành hoạt động sáp nhập, mua bán, phá sản hoặc cổ phần hóa sau khi xác định giá trị doanh nghiệp thì doanh nghiệp sẽ hoạt động theo loại hình doanh nghiệp mới hoặc không còn tồn tại;

Thứ năm, trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp không chỉ tiến hành tìm hiểu và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị định giá mà còn đánh giá hoạt động kiểm soát chất lượng định giá.

Do hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp được tiến hành chủ yếu bởi các tổ chức thẩm định giá hoặc các công ty kiểm toán vì vậy việc đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các đơn vị này cần kết hợp với việc đánh giá hoạt động kiểm soát chất lượng định giá. Việc kết hợp này là do các đơn vị này phải xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ và phải tuân thủ đúng các quy định trong đăng ký hành nghề định giá. Ngoài ra, việc tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp chủ yếu là xem xét việc chấp hành các quy định của chuẩn mực, của chế độ hiện hành, cũng như quy trình xác định giá trị doanh nghiệp và cả căn cứ để tiến hành định giá. Chính vì vậy, KTV cần quan tâm nhiều hơn đến việc kiểm soát chất lượng hoạt động định giá của chính đơn vị tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp thay vì đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị định giá;

Thứ sáu, Quá trình đánh giá trọng yếu trong kiểm toán xác định giá trị doanh

ngành cũng có những điểm khác biệt với kiểm toán tài chính.

Hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp cũng chứa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn trong quá trình thực hiện như áp dụng phương pháp định giá không phù hợp, xác định căn cứ định giá không đúng... làm sai lệch giá trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, do đặc thù của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp tại mỗi đơn vị, mỗi thời điểm khác nhau làm cho việc đánh giá tính trọng yếu cho từng cuộc kiểm toán cũng khác nhau. Ngoài ra, kết quả của hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết định mua bán, sáp nhập, giải thể doanh nghiệp của những người quan tâm. Chính vì vậy, việc đánh giá tính trọng yếu cần thận trọng hơn đối với kiểm toán tài chính.

Thứ bảy, việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật thu thập bằng chứng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có những điểm đặc thù riêng.

Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, liên quan nhiều đến kiểm toán tuân thủ và kiểm toán thông tin, đồng thời hoạt động này chứa đựng rủi ro tiềm tàng cao vì vậy KTV chủ yếu tiến hành kiểm toán toàn diện mà không áp dụng kỹ thuật chọn mẫu. Ngoài ra, khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp thì việc tuân thủ trình tự, các chuẩn mực thẩm định giá cũng như các văn bản pháp luật hiện hành luôn được đặt ra. Do đó, việc vận dụng các phương pháp kỹ thuật trong từng giai đoạn kiểm toán cũng có những điểm khác nhau. Trong quá trình kiểm toán thì việc sử dụng thử nghiệm tuân thủ thường xuyên hơn so với thử nghiệm cơ bản vì chủ yếu tập trung đánh giá hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp có trung thực hợp lý với phương pháp đang áp dụng hay không. Thử nghiệm cơ bản chủ yếu được dùng để thu thập các bằng chứng nhằm xác định giá trị của doanh nghiệp sau khi được đánh giá có sát với thực tế hay không. Như vậy có thể thấy việc vận dụng các phương pháp kỹ thuật có những đặc điểm nổi bật:

- Sử dụng thử nghiệm tuân thủ là chủ yếu trong tất cả các giai đoạn của cuộc kiểm toán;

- Thử nghiệm cơ bản chủ yếu được sử dụng là kỹ thuật kiểm tra tài liệu, phân tích, đánh giá, tính toán, phỏng vấn, xác nhận còn các kỹ thuật kiểm kê, quan sát ít được áp dụng để thu thập bằng chứng.

- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp luôn là kiểm toán toàn diện mà không tiến hành chọn mẫu.

Thứ tám, các bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có những điểm khác biệt với kiểm toán tài chính.

Trong kiểm toán, bằng chứng phải đảm bảo sức thuyết phục thì ý kiến mà KTV

đưa ra mới đáng tin cậy được. Tuy nhiên,⁴ trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có một đặc điểm là việc xác định giá trị doanh nghiệp dựa rất nhiều vào việc xác định thông tin của từng yếu tố cấu thành giá trị doanh nghiệp như giá trị TSCĐ, hàng tồn kho, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả... Các yếu tố này cần được xác định dựa vào quy định của chuẩn mực và chế độ tài chính, kế toán hiện hành đồng thời dựa vào giá thị trường để đánh giá. Chính vì vậy, các bằng chứng mà KTV thu thập được trong việc kiểm tra, đánh giá lại công việc mà các thẩm định viên đã tiến hành đó là các bằng chứng càng được đảm bảo kiểm soát chặt chẽ đúng theo chuẩn mực, chế độ và càng sát với giá thị trường thì càng đáng tin cậy.

Thứ chín, trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp có đặc điểm nổi bật là tính phức tạp trong việc định giá.

Tính phức tạp thể hiện trên khía cạnh xác định giá cơ sở làm căn cứ đánh giá và sự phản ánh trung thực về giá trị của doanh nghiệp trong các tài liệu của đơn vị được định giá. Cụ thể:

- Trước hết, căn cứ đầu tiên để kiểm toán chính là xem xét các văn bản pháp lý được dùng làm cơ sở để tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong việc xác định giá trị doanh nghiệp lại có nhiều văn bản quy định và tại mỗi thời kỳ lại có những nét đặc thù. Do đó, KTV cần xác định sự phù hợp của các văn bản pháp lý làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp về mặt thời điểm và với đơn vị được xác định giá trị doanh nghiệp.

- Hai là, việc xác định giá thị trường làm căn cứ đánh giá cũng gặp nhiều khó khăn vì hiện nay tại Việt Nam chưa có một ngân hàng lưu trữ đầy đủ các thông tin về giá trị các loại tài sản, hàng hóa hiện có trên thị trường. Chính vì vậy, để xác định được một giá trị hợp lý cho doanh nghiệp là một vấn đề phức tạp cần phải xem xét trên nhiều khía cạnh.

2. Các phương pháp kỹ thuật trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp

2.1. Đặc điểm vận dụng phương pháp, kỹ thuật trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp

Trong kiểm toán, để thực hiện chức năng xác minh và bày tỏ ý kiến về đối tượng cần kiểm toán, KTV sử dụng hệ thống phương pháp chung của kiểm toán bao gồm phân hệ phương pháp kiểm toán chứng từ (như: kiểm toán cân đối, đối chiếu trực tiếp, đối chiếu logic) và phân hệ phương pháp kiểm toán ngoài chứng từ (như: kiểm kê, thực nghiệm, điều tra). Các phân hệ phương pháp này được hình thành căn cứ vào đặc trưng và sự thể hiện của đối tượng kiểm toán. Với đối tượng đã được phản ánh

trên tài liệu kế toán thì kiểm toán đã có cơ sở để kiểm tra, xem xét, đánh giá do đó kiểm toán dựa vào các phương pháp kỹ thuật của phân tích, của kế toán để hình thành phân hệ phương pháp chứng từ. Đối với các đối tượng chưa được phản ánh trên bất cứ tài liệu nào thì kiểm toán chưa có căn cứ để kiểm tra, đánh giá khi đó kiểm toán phải tự xây dựng ra phương pháp thu thập bằng chứng và hình thành phương pháp kiểm toán ngoài chứng từ. Tuy nhiên, do mỗi loại kiểm toán có chức năng cụ thể khác nhau, đối tượng cụ thể khác nhau và quan hệ chủ thể, khách thể kiểm toán khác nhau nên trong các loại kiểm toán, cách thức kết hợp các phương pháp chung nêu trên cũng có những đặc thù.

Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp là sự kết hợp chặt chẽ giữa kiểm toán thông tin, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hiệu quả và kiểm toán hiệu năng. Các lĩnh vực này được thể hiện rõ nét trong kiểm toán tài chính và kiểm toán hoạt động, do đó các phương pháp, kỹ thuật sử dụng để thu thập bằng chứng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp cũng chủ yếu áp dụng các phương pháp, kỹ thuật của kiểm toán tài chính và kiểm toán hoạt động.

Trong kiểm toán tài chính căn cứ vào mối quan hệ giữa bảng khai tài chính với hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán, kiểm toán hình thành hai loại thử nghiệm là thử nghiệm cơ bản và thử nghiệm kiểm soát:

Theo cuốn *Kiểm toán tài chính* của Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Quang Quỳnh:

Nguyên tắc chung của mọi cuộc kiểm toán tài chính là phải thẩm tra lại các thông tin biểu hiện bằng tiền phản ánh trên bảng tổng hợp bằng việc kết hợp các phương pháp kiểm toán chứng từ và ngoài chứng từ theo trình tự và cách thức kết hợp xác định tổng hợp các cách xác minh là các con số này được gọi là kiểm toán cơ bản hay thử nghiệm cơ bản.

Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam Số 500 (VSA 500): Thử nghiệm cơ bản (kiểm tra cơ bản) là việc kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán liên quan đến BCTC nhằm phát hiện ra những sai sót trọng yếu làm ảnh hưởng đến BCTC.

Nói cách khác đây là việc KTV rà soát các số liệu, các thông tin trên các bảng tổng hợp theo các khoản mục và trình tự thường đi từ số dư khoản mục tới số dư tài khoản đến số phát sinh rồi tiến đến kiểm tra chứng từ của nghiệp vụ phát sinh đó và cuối cùng là tới việc xác minh thực tế về các nghiệp vụ. Thử nghiệm cơ bản là thử nghiệm then chốt và cốt lõi trong mọi cuộc kiểm toán tài chính để thu thập bằng chứng kiểm toán thích hợp.

Bên cạnh việc sử dụng thử nghiệm cơ bản, trong kiểm toán còn sử dụng thử nghiệm kiểm soát để thu thập bằng chứng:

Theo cuốn *Kiểm toán tài chính* của Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Quang Quỳnh thì “*Kiểm toán tuân thủ hay thử nghiệm tuân thủ là dựa vào kết quả của hệ thống kiểm soát nội bộ khi hệ thống này tồn tại và hoạt động có hiệu lực.*”

Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam Số 500 (VSA 500): Thử nghiệm kiểm soát (kiểm tra hệ thống kiểm soát) là việc kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán về sự thiết kế phù hợp và sự vận hành hữu hiệu của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ.

Thử nghiệm tuân thủ có thể hiểu là phương pháp được thiết kế để khảo sát, thẩm tra và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ để khẳng định sự tồn tại và hoạt động có hiệu lực. Thông thường thử nghiệm tuân thủ chỉ được thực hiện khi hệ thống kiểm soát nội bộ tồn tại và được đánh giá là có hiệu lực.

Để tiến hành hai loại thử nghiệm này, kiểm toán tiến hành thông qua ba loại trắc nghiệm là:

- Trắc nghiệm công việc (kiểm tra công việc) là cách thức và trình tự rà soát các nghiệp vụ hay hoạt động cụ thể trong quan hệ với sự tồn tại và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trước hết là hệ thống kế toán.

- Trắc nghiệm phân tích (thủ tục phân tích) là cách thức xem xét các mối quan hệ kinh tế và xu hướng biến động của các chỉ tiêu kinh tế thông qua việc kết hợp giữa đối chiếu trực tiếp, đối chiếu logic, cân đối giữa các trị số của các chỉ tiêu hoặc của các bộ phận cấu thành chỉ tiêu trong cùng một kỳ quyết toán.

- Trắc nghiệm trực tiếp các số dư (Kiểm tra trực tiếp các số dư) là cách thức kết hợp các phương pháp cân đối, phân tích, đối chiếu trực tiếp với kiểm kê và điều tra thực tế để xác định độ tin cậy của các số dư cuối kỳ trên sổ cái, trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh.

Trong quá trình thực hiện, KTV kết hợp các loại trắc nghiệm với nhau để thu thập các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và có hiệu lực làm cơ sở đưa ra ý kiến. Để tiến hành các trắc nghiệm nêu trên, KTV sử dụng các kỹ thuật là: kiểm tra vật chất, xác nhận, phỏng vấn, quan sát, tính toán, xác minh tài liệu và phân tích.

Cũng như trong kiểm toán tài chính, trong kiểm toán hoạt động khi thực hiện chức năng xác minh, kiểm toán cũng sử dụng các phương pháp kiểm toán chứng từ và kiểm toán ngoài chứng từ. Do đối tượng của kiểm toán hoạt động là các hoạt động, các quy trình, các tác nghiệp cụ thể của các đơn vị nên việc sử dụng các phương pháp này trong kiểm toán hoạt động cũng có những đặc thù riêng. Trong quá trình thực hiện, kiểm toán hoạt động chủ yếu sử dụng trắc nghiệm nghiệp vụ (trắc nghiệm công việc) trên cả hai phương diện: trắc nghiệm đạt yêu cầu và trắc nghiệm độ tin cậy. Tuy nhiên, nếu như trong kiểm toán tài chính thường chú ý nhiều đến trắc nghiệm độ tin cậy và tính tuân thủ trong trắc nghiệm đạt yêu cầu thì trong kiểm toán hoạt động lại chú ý nhiều tới “tần suất” của việc áp dụng các thủ tục kiểm soát trong hoạt động của đơn vị và đã hình thành “trắc nghiệm tần suất” hoặc “trắc nghiệm về tính thường xuyên” của các trình tự tạo ra kết quả. Hơn nữa, ở đây trắc nghiệm đạt yêu cầu thường xuyên được thực hiện chi tiết kết hợp với trắc nghiệm độ tin cậy cho loại nghiệp vụ. Đặc biệt, ngay cả trắc nghiệm phân tích cũng được thực hiện không chỉ cho những thông tin (về lượng) mà cả cho những trình tự quản lí, những phương pháp điều hành và do đó, phân tích trong kiểm toán hoạt động thường là phân tích chi tiết. Để thực hiện các thủ tục trên, các phương pháp kĩ thuật: quan sát kết hợp với khảo sát, phỏng vấn, gửi phiếu xác nhận hoặc xem xét từ đầu đến cuối hay ngược lại... được sử dụng rất phổ biến.

2.2. Các kỹ thuật kiểm toán áp dụng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp

Các kỹ thuật kiểm toán được KTV sử dụng khi thực hiện thu thập bằng chứng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp bao gồm:

a) Kiểm tra vật chất

Kiểm tra vật chất là quá trình KTV tiến hành kiểm kê tại chỗ hay tham gia quan sát kiểm kê các loại tài sản của doanh nghiệp.

Kiểm kê được áp dụng đối với tài sản có dạng vật chất cụ thể như hàng tồn kho, TSCĐ, tiền mặt, giấy tờ thanh toán có giá trị. Kiểm kê cung cấp các bằng chứng có độ tin cậy cao nhất về sự tồn tại của tài sản vì kiểm kê là quá trình xác minh tính hiện hữu của tài sản và kỹ thuật này đơn giản phù hợp với chức năng xác minh của kiểm toán. Tuy nhiên, kỹ thuật này có nhược điểm là không cho biết được tình trạng kỹ thuật, quyền sở hữu đối với tài sản đó.

Kỹ thuật kiểm kê được sử dụng phổ biến trong kiểm toán tài chính để xác định tính tin cậy của thông tin về tài sản và thường được thực hiện vào cuối năm tài chính. Trong quá trình thực hiện kiểm toán, KTV tiến hành kiểm kê theo các bước công việc sau:

- Lập kế hoạch kiểm kê: trong bước công việc này, KTV xác định rõ mục tiêu, đối tượng kiểm kê, phương thức kiểm kê và chuẩn bị đầy đủ về nhân sự, kho bãi phục vụ việc kiểm kê.

- Thực hiện kiểm kê: KTV tiến hành kiểm kê theo kế hoạch đã xây dựng và phải thường xuyên ghi chép kết quả kiểm kê để tạo lập bằng chứng.

- Kết thúc kiểm kê: KTV phải lập biên bản kiểm kê để xác định rõ số lượng, chủng loại tài sản hiện có tại đơn vị và đối chiếu với kết quả kiểm kê vào thời điểm xác định giá trị để đưa ra ý kiến.

Tuy nhiên, trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, kỹ thuật kiểm kê ít được áp dụng và chỉ được thực hiện trong một số trường hợp nhất định như: thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và thời điểm kiểm toán là gần với nhau, đơn vị được xác định giá trị chưa thay đổi hình thức hoạt động... Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, kết quả kiểm kê có độ tin cậy không cao do thời điểm tiến hành kiểm toán thường cách xa so với thời điểm xác định giá trị làm cho kết quả kiểm kê có độ sai lệch, hoặc do chủng loại tài sản trong đơn vị đã có sự thay đổi sau khi đã xác định giá trị doanh nghiệp.

b) Xác nhận

Xác nhận là quá trình thu thập thông tin do bên thứ ba độc lập cung cấp để xác minh tính chính xác của thông tin mà KTV nghi vấn. Đối tượng áp dụng kỹ thuật xác nhận là số dư tiền gửi ngân hàng, số dư các khoản phải thu khách hàng, phải trả nhà cung cấp, hàng tồn kho gửi bán... Kỹ thuật này giúp cho KTV có được các bằng chứng đáng tin cậy về sự tồn tại cũng như về quyền và nghĩa vụ đối với các thông tin được xác nhận.

Kỹ thuật này được sử dụng nhiều trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp do việc xác định giá trị có liên quan đến nhiều loại tài sản và các khoản nợ, vay của đơn vị được định giá. KTV gửi thư xác nhận đến các ngân hàng, chủ nợ, các khách hàng... để xác định lại các thông tin về các khoản phải thu, phải trả, các khoản vay cũng như giá trị các tài sản hiện do các đơn vị khác nắm giữ. Trên cơ sở các thư xác nhận đã nhận được, KTV đánh giá được độ tin cậy và sự phù hợp của giá trị các tài sản được xác định trên báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp. KTV sử dụng hai loại

thư xác nhận là thư xác nhận mở và thư xác nhận đóng để thu thập bằng chứng kiểm toán. Thư xác nhận mở được KTV sử dụng để yêu cầu bên được xác nhận cung cấp thông tin mà KTV quan tâm. Còn thư xác nhận đóng được KTV sử dụng khi cần xác nhận một thông tin hoặc một số liệu đã có sẵn cần được khẳng định lại. Trong hai loại thư xác nhận này, KTV sử dụng chủ yếu là thư xác nhận đóng để có được các thông tin cần thu thập. Tuy nhiên, việc thực hiện kỹ thuật này rất tốn thời gian và chi phí do đó KTV chỉ tiến hành gửi thư xác nhận cho một mẫu các đối tượng được KTV lựa chọn thông qua các phương pháp chọn mẫu.

c) Xác minh tài liệu

Xác minh tài liệu là quá trình xem xét, kiểm tra, đối chiếu các chứng từ, sổ sách kế toán, BCTC và các tài liệu liên quan sẵn có trong đơn vị được kiểm toán. Kỹ thuật này đơn giản, thuận tiện và có chi phí thấp nhưng độ tin cậy không cao. Đây là một kỹ thuật được sử dụng chủ yếu trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp giúp KTV đánh giá được tính trung thực, hợp lý cũng như việc tuân thủ các quy định, trình tự khi tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp của đơn vị thẩm định giá. KTV xác minh các tài liệu sau: các tài liệu, các văn bản, các báo cáo được lưu trữ trong hồ sơ thẩm định giá, các hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán của đơn vị được định giá. Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV từ một kết luận có trước hoặc một thông tin trong báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, KTV tiến hành thu thập, xác minh, đối chiếu các tài liệu trong hồ sơ thẩm định giá để có bằng chứng đưa ra kết luận của mình.

d) Quan sát

Quan sát là phương pháp được sử dụng để đánh giá một thực trạng hay một hoạt động của đơn vị được kiểm toán. Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV thực hiện quan sát về hiện trạng các TSCĐ, các hoạt động tại đơn vị được định giá và giúp cho KTV có được các nhận định, các đánh giá về việc định giá của các thẩm định viên. Tuy nhiên, bằng chứng thu được từ kỹ thuật này rất hạn chế do nó chỉ đảm bảo tại thời điểm quan sát còn các thời điểm khác thì không chắc chắn. Hơn nữa, khi KTV thực hiện quan sát thì kết quả có thể không sát với thời điểm xác định giá trị do đã có sự biến động. Do đó, kỹ thuật này được sử dụng khi thời điểm kiểm toán và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp gần với nhau.

e) Phỏng vấn

Phỏng vấn là quá trình thu thập thông tin bằng văn bản hay bằng lời nói qua những cuộc phỏng vấn với những người có hiểu biết về vấn đề mà KTV quan tâm. Kỹ

thuật này giúp cho các KTV thu được những bằng chứng chưa có hoặc củng cố thêm các luận cứ của KTV. Khi phỏng vấn, KTV thực hiện theo các giai đoạn sau:

Giai đoạn thứ nhất: lập kế hoạch phỏng vấn. KTV phải xác định được mục đích, đối tượng và nội dung cần phỏng vấn (có thể cụ thể hóa ra thành những trọng điểm cần phỏng vấn), thời gian, địa điểm phỏng vấn... KTV cần chuẩn bị trước các câu hỏi phỏng vấn để thu thập được các thông tin cần thiết.

Giai đoạn thứ hai: thực hiện phỏng vấn. KTV giới thiệu lý do cuộc phỏng vấn, trao đổi về những trọng điểm đã xác định. Khi phỏng vấn KTV có thể dùng hai loại câu hỏi cơ bản là câu hỏi “đóng” hoặc câu hỏi “mở”.

Câu hỏi “mở” giúp KTV thu được câu trả lời chi tiết, đầy đủ và được sử dụng khi kiểm toán viên muốn thu thập thêm thông tin về giá trị của doanh nghiệp được định giá.

Câu hỏi “đóng” giới hạn câu trả lời của người được phỏng vấn và được sử dụng khi KTV muốn xác nhận một vấn đề, một thông tin đã có trong quá trình xác định giá doanh nghiệp.

Giai đoạn thứ ba: kết thúc phỏng vấn. KTV cần đưa ra kết luận về các vấn đề cần được xác minh thêm trên cơ sở thông tin đã thu thập được. Tuy nhiên, KTV cũng cần lưu ý đến tính khách quan và sự hiểu biết của người được phỏng vấn để có kết luận xác đáng về bằng chứng thu thập được.

Tuy nhiên kỹ thuật này có nhược điểm là độ tin cậy thường không cao nên chỉ được sử dụng để củng cố cho các bằng chứng khác hoặc thu thập các thông tin phản hồi.

f) Tính toán

Tính toán là quá trình kiểm tra tính chính xác về mặt số học của việc tính toán và việc ghi chép trên tài liệu. Kỹ thuật này được KTV sử dụng trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp với mục đích để kiểm tra tính chính xác của việc tính toán trên các tài liệu định giá. KTV tiến hành tính toán lại giá trị của các TSCĐ, giá trị của hàng tồn kho, của các khoản nợ vay theo đúng các văn bản quy định về thẩm định giá. Số liệu tính toán của KTV được so sánh với kết quả công việc của các thẩm định viên đã làm để khẳng định được sự chính xác của các công việc do các thẩm định viên thực hiện. Kỹ thuật này có ưu điểm là thu thập được bằng chứng kiểm toán với độ tin cậy cao nhưng chỉ quan tâm đến tính chính xác thuần túy về mặt số học mà không chú ý tới sự phù hợp của phương pháp tính được sử dụng. Vì vậy cần phải kết hợp với các

phương pháp kỹ thuật khác.

g) Phân tích

Phân tích là việc đánh giá các số liệu, thông tin, các tỷ suất quan trọng qua đó tìm ra những xu hướng, những biến động và tìm ra những mối quan hệ có mâu thuẫn với các thông tin liên quan khác hoặc có sự chênh lệch lớn so với giá trị đã dự kiến. Quá trình phân tích tiến hành chủ yếu là so sánh, đối chiếu, đánh giá các mối quan hệ giữa các số liệu để xác định tính hợp lý của các số dư trên tài liệu, trên báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp. Các mối quan hệ bao gồm mối quan hệ giữa các thông tin tài chính với nhau và quan hệ giữa các thông tin tài chính và các thông tin phi tài chính. Do đó kỹ thuật phân tích gồm 3 nội dung: dự đoán, so sánh và đánh giá.

- Dự đoán: là việc KTV ước đoán về số dư tài khoản, giá trị của các chỉ tiêu, tỷ suất hoặc xu hướng biến động trên tài liệu xác định giá trị...
- So sánh: là việc đối chiếu số dự đoán của KTV với số liệu trên BCTC, tài liệu kế toán, tài liệu xác định giá trị.
- Đánh giá: là việc sử dụng các phương pháp chuyên môn và các kỹ thuật khác (như phỏng vấn, quan sát) để phân tích và kết luận về các chênh lệch phát sinh khi so sánh.

Kỹ thuật phân tích được sử dụng để thu thập bằng chứng kiểm toán có hiệu lực gồm ba loại:

- *Kiểm tra tính hợp lý*: KTV tiến hành các so sánh cơ bản như:

- + So sánh giữa số liệu thực tế và số liệu dự toán...
- + So sánh các chỉ tiêu của đơn vị với chỉ tiêu bình quân của ngành.
- + Nghiên cứu mối quan hệ giữa thông tin tài chính và thông tin phi tài chính.
- + So sánh số liệu của khách hàng và số liệu ước tính của KTV.

Từ kết quả so sánh, tiến hành điều tra các chênh lệch lớn, bất thường giúp KTV phát hiện những sai sót trong BCTC hoặc các biến động lớn trong hoạt động SXKD của đơn vị.

- *Phân tích xu hướng*: là sự phân tích những thay đổi theo thời gian của số dư tài khoản, nghiệp vụ. Phân tích xu hướng thường được KTV sử dụng qua so sánh thông tin tài chính kỳ này với thông tin tài chính kỳ trước hay so sánh thông tin tài chính giữa các tháng trong kỳ hoặc so sánh số dư (số phát sinh) của các tài khoản cần xem xét giữa các kỳ, nhằm phát hiện những biến động bất thường để qua đó kiểm toán tiến

hành tập trung kiểm tra chi tiết.

- *Phân tích tỷ suất*: là cách thức so sánh các số dư tài khoản hoặc các loại hình nghiệp vụ. Phân tích tỷ suất cũng giúp so sánh tính hợp lý về tình hình tài chính của đơn vị được định giá để xem xét xu hướng và tính hợp lý của tỷ suất đó.

Trong ba loại hình phân tích nêu trên, kiểm tra tính hợp lý kết hợp các dữ liệu hoạt động, dữ liệu tài chính và được lập ra để kiểm tra sự tương ứng giữa hai loại dữ liệu này. Do đó mức độ chính xác hay độ tin cậy của bằng chứng thu thập được khi kiểm tra tính hợp lý được xem là cao nhất. Phân tích tỷ suất được dựa trên mối quan hệ giữa các báo cáo khác nhau có mối liên quan nên việc phân tích các tỷ suất cũng có thể cung cấp thông tin có giá trị. Phân tích xu hướng được xem là cung cấp dữ liệu có độ tin cậy thấp nhất vì kỹ thuật này dùng nhiều vào việc xem xét dữ liệu năm trước. Tuy nhiên, nếu có cả sự phân tích lùi thì các bằng chứng tập hợp được trở nên có ý nghĩa hơn.

Kỹ thuật phân tích này đơn giản, tốn ít thời gian, chi phí kiểm toán thấp mà vẫn có thể cung cấp các bằng chứng về sự đồng bộ, chuẩn xác, có giá trị về nhiều mặt.

3. Trình tự tiến hành một cuộc kiểm toán

Quy trình tiến hành một cuộc kiểm toán nói chung bao gồm ba giai đoạn cơ bản là: Lập kế hoạch kiểm toán (hay được gọi là chuẩn bị kiểm toán), thực hành kiểm toán và kết thúc kiểm toán. Trong mỗi giai đoạn này, KTV phải xác định rõ các bước công việc cần làm nhưng phải phù hợp với từng đối tượng tại từng khách thể khác nhau. Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, quy trình tiến hành cũng tuân thủ theo ba giai đoạn cơ bản của kiểm toán. Cụ thể

3.1. Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

Lập kế hoạch kiểm toán là giai đoạn đầu tiên của mỗi cuộc kiểm toán nhằm chuẩn bị đầy đủ các điều kiện pháp lý và điều kiện vật chất cần thiết khác cho cuộc kiểm toán. Trong mỗi cuộc kiểm toán, KTV cần phải lập kế hoạch để định hướng cho trong quá trình kiểm toán, xác định rõ nội dung cần tập trung kiểm toán, các loại bằng chứng cần phải thu thập để làm căn cứ cho kết luận của KTV về đối tượng kiểm toán và để đảm bảo tính hiệu quả, tính kinh tế và tính hiệu lực của từng cuộc kiểm toán. Lập kế hoạch kiểm toán có vai trò quan trọng, chi phối tới chất lượng và hiệu quả chung của toàn bộ cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán giúp cho KTV xác định được thời gian thực hiện, số lượng người tham gia cuộc kiểm toán, chi phí cho cuộc kiểm toán, phương pháp tiến hành và sự phối hợp giữa các KTV với nhau để hạn chế sai sót, bất đồng và sự chông chéo, trùng lặp trong quá trình thực hiện. Trong kiểm toán

xác định giá trị doanh nghiệp, KTV tiến hành lập hai loại kế hoạch kiểm toán là kế hoạch kiểm toán tổng thể và kế hoạch kiểm toán chi tiết (hay chương trình kiểm toán).

** Kế hoạch kiểm toán tổng thể*

Kế hoạch kiểm toán tổng thể do các KTV cao cấp hoặc người chịu trách nhiệm về cuộc kiểm toán thực hiện. Kế hoạch này bao trùm và chi phối toàn bộ các công việc tiến hành trong cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của kế hoạch kiểm toán bao gồm:

- Xác định mục tiêu của cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Thu thập hiểu biết về tình hình hoạt động và các thông tin có tính chất pháp lý liên quan đến hoạt động của khách thể kiểm toán và của đơn vị được định giá.
- Đánh giá và xác định mức độ rủi ro trong kiểm toán và mức độ tin cậy của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị được định giá.
- Xác định quy mô, nội dung, phạm vi, thời gian và phương pháp sẽ tiến hành trong cuộc kiểm toán.
- Dự kiến số lượng người tham gia cuộc kiểm toán và phối hợp các bước công việc.

Kế hoạch kiểm toán được duy trì trong suốt quá trình kiểm toán và triển khai kế hoạch toàn diện về phạm vi thực hiện kiểm toán. Để lập được kế hoạch này các KTV tiến hành các công việc sau:

- KTV tiến hành tìm hiểu các thông tin chung về đơn vị được xác định giá trị thông qua việc tiếp xúc, phỏng vấn đối với những người trong ban giám đốc của đơn vị hoặc những người có hiểu biết về đơn vị. Công việc này giúp KTV có được các thông tin về đặc điểm quá trình kinh doanh, các thuận lợi, khó khăn trong quá trình hoạt động của đơn vị. Bên cạnh đó còn có các thông tin về các chính sách, chế độ, các quyết định có ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị được định giá. Các thông tin này giúp cho KTV có được những thông tin ban đầu về đơn vị được định giá làm cơ sở để KTV đưa ra các bước quyết định tiếp theo trong cuộc kiểm toán.

- Tiến hành tìm hiểu và đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong cả đơn vị thẩm định giá và đơn vị được định giá. KTV tập trung thu thập hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được định giá thông qua các tài liệu liên quan đến quy chế hoạt động, các thủ tục, quy chế kiểm soát đối với các hoạt động trong đơn vị hoặc tiến hành quan sát, phỏng vấn về các hoạt động kiểm soát của đơn vị. Thông qua việc tìm hiểu, KTV đánh giá được các rủi ro hiện đang tồn tại trong quá trình hoạt

động của hệ thống kiểm soát nội bộ và để đánh giá tính hiệu lực của hệ thống này trong việc đảm bảo độ tin cậy của các thông tin. Đây là cơ sở để KTV xác định được khối lượng công việc dự kiến sẽ phải tiến hành trong cuộc kiểm toán.

- Bên cạnh việc đánh giá rủi ro, KTV còn phải đánh giá về tính trọng yếu của đối tượng kiểm toán làm căn cứ xác định quy mô của cuộc kiểm toán. Trong kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, KTV cần xác định được các vấn đề trọng yếu trong báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để xác định các hoạt động cần tập trung kiểm toán. Việc đánh giá tính trọng yếu cần phải được kết hợp chặt chẽ với việc đánh giá rủi ro vì rủi ro và trọng yếu có mối qua hệ chặt chẽ với nhau.

- Trên cơ sở đánh giá trọng yếu và rủi ro KTV sẽ lựa chọn phương pháp và kỹ thuật kiểm toán phù hợp đối với từng đối tượng nhằm thu thập được đầy đủ các bằng chứng có hiệu lực làm cơ sở để KTV đưa ra ý kiến kết luận về đối tượng kiểm toán. Khi sử dụng phương pháp kiểm toán cần phải kết hợp các phương pháp với nhau để đạt được hiệu quả của cuộc kiểm toán.

- Xác định số lượng người tham gia vào cuộc kiểm toán phù hợp với quy mô và phạm vi của cuộc kiểm toán đã xác định.

Trên cơ sở kế hoạch kiểm toán tổng thể đã xây dựng, người chịu trách nhiệm về cuộc kiểm toán sẽ tiến hành lập kế hoạch chi tiết (hay chương trình kiểm toán) đối với từng phần hành, khoản mục, bộ phận được kiểm toán.

** Kế hoạch kiểm toán chi tiết (Chương trình kiểm toán)*

Kế hoạch này do KTV chính hoặc người chịu trách nhiệm về cuộc kiểm toán thực hiện. Đây là bước cụ thể hóa, chi tiết hóa các công việc đã xác định trong kế hoạch tổng thể cho từng phần hành, từng khoản mục, từng bộ phận được kiểm toán. Trong chương trình kiểm toán cần phải xác định rõ các bằng chứng cần phải thu thập, thời gian hoàn thành đối với từng kỹ thuật và mục tiêu đạt được khi thực hiện kiểm toán. KTV cần tiến hành các công việc sau:

- Xác định rõ mục tiêu kiểm toán đối với từng phần công việc cụ thể, từng bộ phận của đối tượng kiểm toán.

- KTV tiến hành thu thập các thông tin về các phần hành hay bộ phận sẽ được kiểm toán để có thể đánh giá ban đầu về rủi ro đối với từng bộ phận.

- Xác định phạm vi và mức độ kiểm tra cần thiết, các phương pháp cần áp dụng để thu thập bằng chứng kiểm toán đối với từng phần hành, từng bộ phận cấu thành.

- Xác định trình tự và thủ tục các bước đi chi tiết phù hợp nhằm đạt được hiệu

quả cao nhất.

- Bố trí và sắp xếp những người tham gia cuộc kiểm toán cũng như với các chuyên gia, các KTV khác khi cần thiết.

- Xác định thời gian thực hiện và ngày dự kiến kết thúc cuộc kiểm toán cũng như hình thức của báo cáo kiểm toán sẽ lập.

3.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán

Đây là giai đoạn các KTV tiến hành sử dụng các phương pháp, kỹ thuật để thu thập bằng chứng kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán đã xây dựng. Trong giai đoạn này, KTV tiến hành các công việc sau:

- Thực hiện thử nghiệm tuân thủ để đánh giá việc tuân thủ các văn bản pháp lý và quy trình thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp.

- Thực hiện các thử nghiệm cơ bản để thu thập bằng chứng về độ tin cậy của các thông tin và số liệu kế toán, tài chính. Việc thực hiện thử nghiệm cơ bản được tiến hành thông qua thủ tục phân tích và thủ tục kiểm tra chi tiết các số dư và nghiệp vụ.

- + Trong thủ tục phân tích, KTV so sánh các thông tin và nghiên cứu các xu hướng để phát hiện các biến động bất thường và trên cơ sở đó sẽ xác định các thủ tục tiếp theo cần phải tiến hành.

- + Khi thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết, KTV đi sâu vào việc kiểm tra các số liệu, thông tin kế toán bằng các phương pháp thích hợp để có được các bằng chứng thích hợp về đối tượng kiểm toán.

Trong quá trình thực hiện kiểm toán, KTV cần phải tuyệt đối tuân thủ kế hoạch kiểm toán đã xây dựng để đảm bảo thu thập được đầy đủ các bằng chứng có hiệu lực. KTV cũng cần kết hợp các phương pháp kỹ thuật một cách phù hợp để tìm kiếm và phát hiện những sai phạm có thể ảnh hưởng đến đối tượng kiểm toán. KTV phải tiến hành ghi chép các phát giác, các nhận định trên giấy tờ làm việc để tạo lập các bằng chứng kiểm toán để làm cơ sở đưa ra ý kiến của mình về đối tượng kiểm toán.

3.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán

Trong giai đoạn này, KTV dựa vào các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được trong giai đoạn thực hiện kiểm toán để đưa ra ý kiến kết luận của mình về đối tượng được kiểm toán. Các công việc được tiến hành khi kết thúc cuộc kiểm toán gồm:

- KTV tiến hành tổng hợp các kết quả thu thập qua kiểm toán các phần hành và thực hiện một số thử nghiệm bổ sung có tính chất tổng quát.

- Đánh giá tổng quát về kết quả thu thập được. Công việc này nhằm soát xét lại toàn bộ quá trình kiểm toán, kết quả thu được và cân nhắc các cơ sở để đưa ra ý kiến kết luận.

- Lập báo cáo kiểm toán: đây là công việc cuối cùng của cuộc kiểm toán nhằm thể hiện các ý kiến nhận xét của KTV về đối tượng được kiểm toán

- Hoàn chỉnh các hồ sơ kiểm toán và lưu giữ tài liệu.

Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải đưa ra được ý kiến kết luận về đối tượng kiểm toán. Báo cáo kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp không được tiêu chuẩn hóa như đối với kiểm toán tài chính do tùy thuộc vào phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp nhưng cần có các nội dung cơ bản sau:

- *Tên và địa chỉ công ty kiểm toán:* Trong báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp cần nêu rõ tên, biểu tượng, địa chỉ giao dịch, số điện thoại, số fax và số hiệu liên lạc khác của công ty kiểm toán (hoặc chi nhánh) phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp.

- *Số hiệu báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Số hiệu báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp là số hiệu phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp của công ty kiểm toán theo từng năm. Số hiệu báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp cần phải đăng ký chính thức trong hệ thống văn bản của công ty kiểm toán.

- *Tiêu đề báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải có tiêu đề rõ ràng và thích hợp để phân biệt báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp do KTV lập với các loại báo cáo khác.

- *Người nhận báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Người nhận báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp là người ký hợp đồng kiểm toán với người thực hiện kiểm toán (công ty kiểm toán hoặc KTV).

- *Đoạn mở đầu của báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:*

Phần mở đầu của báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải ghi rõ đối tượng của cuộc kiểm toán; mục đích của cuộc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán và trách nhiệm của KTV.

- *Đoạn trình bày phạm vi và căn cứ thực hiện cuộc kiểm toán:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải nêu chuẩn mực kiểm toán (Chuẩn mực kiểm toán quốc gia, hoặc chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp nhận) và kế hoạch kiểm toán

đã áp dụng để thực hiện cuộc kiểm toán. Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải ghi rõ là công việc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo hợp lý để đưa ra ý kiến.

- *Đoạn trình bày ý kiến của KTV về đối tượng kiểm toán:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải nêu rõ ý kiến của KTV về kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã thực hiện trên các phương diện: Phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu các thông tin định lượng về thực trạng xác định giá trị doanh nghiệp và việc tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), cũng như việc tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến hoạt động xác định giá trị doanh nghiệp của đơn vị được kiểm toán.

- *Địa điểm và thời gian lập báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải ghi rõ ngày, tháng, năm kết thúc toàn bộ công việc kiểm toán. Điều này cho phép người sử dụng xác định giá trị doanh nghiệp biết rằng KTV đã xem xét đến các sự kiện (nếu có) ảnh hưởng đến báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp cho đến tận ngày ký báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp. Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải ghi rõ địa điểm (Tỉnh, Thành phố) của công ty hoặc chi nhánh công ty kiểm toán chịu trách nhiệm phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp.

- *Chữ ký và đóng dấu:* Báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải ký rõ tên của KTV là người chịu trách nhiệm kiểm toán, và ký rõ tên của Giám đốc (hoặc người được uỷ quyền) của công ty kiểm toán chịu trách nhiệm phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp. Trên chữ ký của Giám đốc (hoặc người được uỷ quyền) phải đóng dấu của công ty (hoặc chi nhánh) chịu trách nhiệm phát hành báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp. Giữa các trang của báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp phải đóng dấu giáp lai.

Ngôn ngữ trình bày trên báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp là ngôn ngữ sử dụng chính thức của một quốc gia, như đối với báo cáo kiểm toán về xác định giá trị doanh nghiệp của công ty kiểm toán hoạt động tại Việt Nam thì báo cáo phải lập bằng tiếng Việt Nam.